

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU – TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29.6.2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung- Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Xuân T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ X, phường Y, quận L, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ X, phường Y, quận L, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị Xuân T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị Xuân T và ông Võ Đ xây dựng gia đình vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ X, phường Y, quận L, thành phố Đà Nẵng. Theo bà T thì quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu

thuần, nguyên nhân do ông Đ hay nhậu nhẹt với bạn bè, vợ chồng bất đồng quan điểm, độc lập về tài chính, không có sự chia sẻ, quan tâm nhau. Thời gian sau này, ông Đ còn vô cớ xúc phạm, bôi xấu bà T dẫn đến hai bên thường xuyên cãi vã. Vì con nên bà T đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay bà không thể tiếp tục chung sống với ông Đ được nữa. Hiện tại tình cảm của vợ chồng không còn, kéo dài cũng không có hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Đ.

- Về con chung: Bà Đặng Thị Xuân T xác định bà và ông Đ có hai người con chung là Võ Ngọc Bảo B, sinh ngày 19/11/2008 và Võ Ngọc Bảo D, sinh ngày 11/10/2015. Quá trình giải quyết vụ án, bà T có nguyện vọng Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Đ nuôi dưỡng cháu D, giao cháu B cho ông Đ nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Xuân T xác định bà và ông Võ Đ có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đặng Thị Xuân T xác định bà và ông Võ Đ không có nợ chung.

**** Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Võ Đ trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà Đặng Thị Xuân T về thời gian chung sống, kết hôn và xác định việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Ông Đ cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng trước nay vẫn bình thường, hai bên đều yêu thương nhau, ông luôn tôn trọng bà T, việc độc lập về tài chính là do hai bên thỏa thuận phân chia chứ không phải do mâu thuẫn. Tuy nhiên từ tháng 9 năm 2022 do tin tưởng bói toán nên bà T thay đổi tính tình, bỏ bê con cái cho ông Đ chăm lo và gây gổ đòi ly hôn. Nay ông xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm và mong muốn cho các con có gia đình hạnh phúc nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về con chung: ông Võ Đ xác định ông và bà Đặng Thị Xuân T có hai con chung như bà T trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Ngọc Bảo D, giao con chung Võ Ngọc Bảo B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Võ Đ xác định ông và bà Đặng Thị Xuân T có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông Võ Đ xác định ông và bà Đặng Thị Xuân T không có nợ chung.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung: đề nghị căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Võ Ngọc Bảo D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Võ Ngọc Bảo B cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Về nợ chung: nguyên đơn và bị đơn xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đ thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Nguyên đơn khởi ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ X, phường Y, quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị Xuân T và ông Võ Đ đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Võ Đ, còn ông Đ xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của các bên thì thấy:

Kết quả xác minh tại địa phương không thể hiện bà T và ông Đ có mâu thuẫn trong cuộc sống. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều thừa nhận từ

tháng 9 năm 2022 đến nay dù vẫn ở chung nhà nhưng giữa bà T và ông Đ phần ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy lời trình bày của bà T về việc giữa bà và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng cơ bản phù hợp.

Đối với ông Đ, ngoài lý do bản thân còn tình cảm với bà T, mong muốn con cái sống có đầy đủ cha mẹ, ông Đ còn cho rằng bà T tin bói toán nên thay đổi tính tình, bỏ bê gia đình rồi yêu cầu ly hôn nên xin Đ đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông Đ không đưa ra được biện pháp cụ thể để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn tình cảm và cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh về lời trình bày của mình, bà T không thừa nhận nội dung này và cương quyết xin ly hôn với ông Đ.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Xuân T mà không thể thỏa mãn yêu cầu đoàn tụ của ông Võ Đ.

[2] Về quan hệ con chung: bà Đặng Thị Xuân T và ông Võ Đ cùng xác định ông bà có 02 con chung là Võ Ngọc Bảo B, sinh ngày 19/11/2008 và Võ Ngọc Bảo D, sinh ngày 11/10/2015. Ly hôn, cả bà T và ông Đ đều yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, giao cháu B cho người kia nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cả hai cháu Bảo B và Bảo D đều chưa thành niên nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng khi các bên ly hôn và việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần được xem xét trên cơ sở lợi ích của con chung. Xét thấy, cháu Bảo D hiện tại còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn là cháu Bảo B, do vậy yêu cầu của bà T là phù hợp cần được chấp nhận.

Đối với cấp dưỡng nuôi con, do các bên không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: bà Đặng Thị Xuân T và ông Võ Đ đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn của bà Đặng Thị Xuân T đối với ông Võ Đ.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Đặng Thị Xuân T ly hôn với ông Võ Đ.
2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc Bảo D, sinh ngày 11/10/2015; giao cho ông Võ Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc Bảo B, sinh ngày 19/11/2008 đến khi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con cho ai. Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.
3. Về tài sản chung: bà Đặng Thị Xuân T và ông Võ Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: bà Đặng Thị Xuân T và ông Võ Đ thống nhất xác định không có nợ chung.
5. Buộc bà Đặng Thị Xuân T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng Đ trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007865 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.
6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Thuận Tây;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI